

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HS-PT
Ngày 13-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh; Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nôm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2018/TLPT-HS ngày 02 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Hoàng L do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 23/2018/HS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Hoàng L (L)**, sinh năm 1984 tại tỉnh Bến Tre; ĐKTT: Số 9/5, Ngô Quyền, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: nhà cho thuê số 107A3, Khu phố 4, Phường 8, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Đặng Nguyệt A; tiền án: tại Bản án số 18/2005/HSST ngày 02/12/2005 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bến Tre xử phạt 07 năm 06 tháng tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 07/12/2017, Nguyễn Hoàng L điều khiển xe mô tô biển số 71B2-774.62 của Phan Á M (bạn gái L) đến khu vực bờ hồ thành phố M, tỉnh Tiền Giang mua của một người tên L1 (không rõ họ, địa chỉ) 1.200.000 đồng được 07 túi nylon bên trong có chứa ma túy để được để trong ngăn pin điện thoại di động hiệu samsung màu đỏ - đen. Sau khi mua ma túy xong, L mang điện thoại bên trong có 07

túi nylon chứa ma túy đá về căn số 1, nhà cho thuê số 107A3, Khu phố 4, Phường 8, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Tại đây, L lấy 06 túi nylon bên trong có chứa ma túy ra để vào 01 hộp kim loại, bên ngoài có quấn băng keo màu đen, trên nắp hộp có chữ DOUBLEMINT rồi để trên bàn xếp ở phòng bếp; riêng 01 túi nylon bên trong có chứa ma túy đá L vẫn để trong ngăn pin điện thoại di động hiệu samsung màu đỏ - đen rồi bỏ vào thùng giấy ở phòng bếp cất giấu sử dụng. Đến khoảng 15 giờ 20 phút ngày 08/12/2017, Công an Phường 8, thành phố B kiểm tra phát hiện thu giữ toàn bộ tang vật.

Tang vật thu giữ gồm:

- Thu trên bàn xếp ở phòng bếp: 01 hộp kim loại, bên ngoài có quấn băng keo màu đen, trên nắp hộp có chữ DOUBLEMINT, bên trong hộp có chứa 06 túi nylon màu trắng, trên miệng túi có rãnh dán và có sọc màu xanh, bên trong 06 túi nylon đều có chứa tinh thể màu trắng, nghi là ma túy (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có chữ ký Nguyễn Hoàng L, Phan Ái M, Ngô Kim H, Trần Minh Q, Nguyễn Hoàng T và dấu tròn màu đỏ của Công an Phường 8, thành phố B, ký hiệu M1).

- Thu trong thùng giấy cứng ở phòng bếp: 01 điện thoại di động hiệu samsung màu đỏ - đen, bên trong điện thoại nơi để pin có 01 túi nylon màu trắng, trên miệng túi có rãnh dán và có sọc màu xanh, bên túi nylon có chứa tinh thể màu trắng, nghi là ma túy (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có chữ ký Nguyễn Hoàng L, Phan Ái M, Ngô Kim H, Trần Minh Q, Nguyễn Hoàng T và dấu tròn màu đỏ của Công an Phường 8, thành phố B, ký hiệu M2).

- Thu trong phòng ngủ của L: 01 bình thủy tinh màu trắng; 10 đoạn ống nhựa loại ống hút màu trắng; 01 ống thủy tinh màu trắng, có gắn ống hút màu tím; 02 bình gas mi ni có chữ BLUESKY và 02 kéo kim loại màu trắng.

- Thu trong túi nylon màu đen ở phòng bếp: 01 cân điện tử màu trắng; 10 túi nylon màu trắng, rỗng, trên miệng túi có rãnh dán và có sọc màu xanh; 20 túi nylon màu trắng, rỗng, trên miệng túi có rãnh dán và có sọc màu xanh.

Theo kết luận giám định số 145/S54B ngày 18/12/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

Gói M1: Tinh thể màu trắng đựng trong 06 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có trọng lượng là 2,0663 gam, loại methamphetamine.

Gói M2: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có trọng lượng là 0,9476 gam, loại methamphetamine.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 23/2018/HS-ST ngày 21/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng L phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”; Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng L 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt

bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 4/4/2018, bị cáo Nguyễn Hoàng L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng L 02 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017QH14 của Quốc hội; khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng L vào lúc 15 giờ 20 phút ngày 08/12/2018, đã có hành vi tàng trữ trái phép 3,0139 gam methamphetamine tại căn số 1, nhà cho thuê số 107A3, Khu phố 4, Phường 8, thành phố B, tỉnh Bến Tre để nhằm mục đích sử dụng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo L là đúng quy định pháp luật, không oan, sai.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và các quy định có lợi của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo 02 năm là thỏa đáng, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Đồng thời qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân thấy rằng bị cáo có nhân thân không tốt đã bị Tòa án kết án về hành vi mua bán trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Điều đó đã minh chứng rằng bị cáo là người khó cải tạo giáo dục nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để giáo dục riêng và phòng ngừa chung trước thực trạng các tội phạm về ma túy đang có chiều hướng gia tăng. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[3] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm đề nghị

không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải nộp do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 khoản 2 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng L (L) 02 (hai) năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[2] Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Nguyễn Hoàng L phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố B (3b);
- Công an và VKSND thành phố B (2b);
- Chi cục THADS thành phố B (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND Phường 3 (1b);
- Bị cáo tại ngoại;
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Quang Sơn